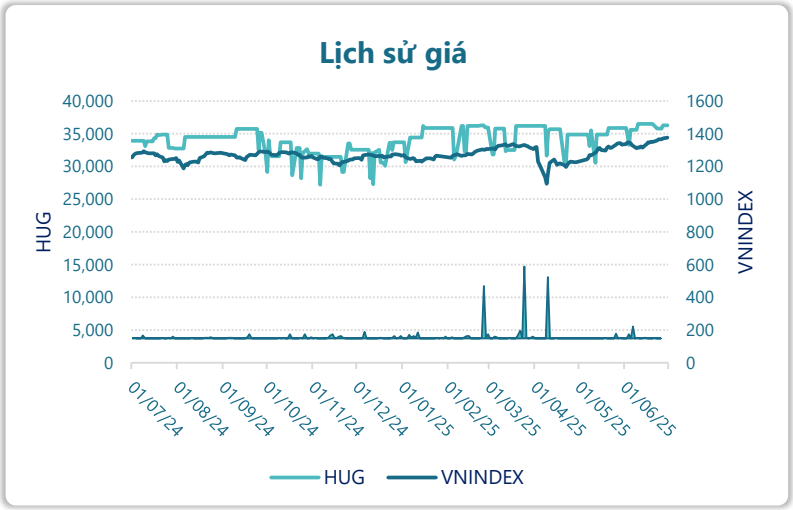
FireAnt

Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP (UPCOM: HUG)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**36,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,206
SL cổ phiếu LH	19,511,389
KLGD BQ 20 phiên (CP)	55
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	708
P/E	8.8
EPS	4,147

DT thuần

Q2/25

227

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.0| 21.0%

YoY: ▲ 82.0| 56.9%

LN sau thuế

Q2/25

24.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 8.10| 48.4%

YoY: ▲ 11.9| 92.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

13.1%

+/- YoY: ▲ 3.2%

DT thuần

6T 2025

415

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 103| 33.3%

LN sau thuế

6T 2025

41.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.7| 74.6%

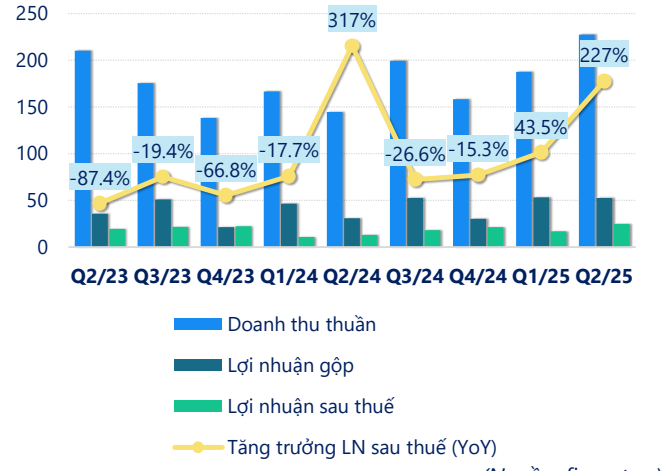
ROE

Q2/25

29.0%

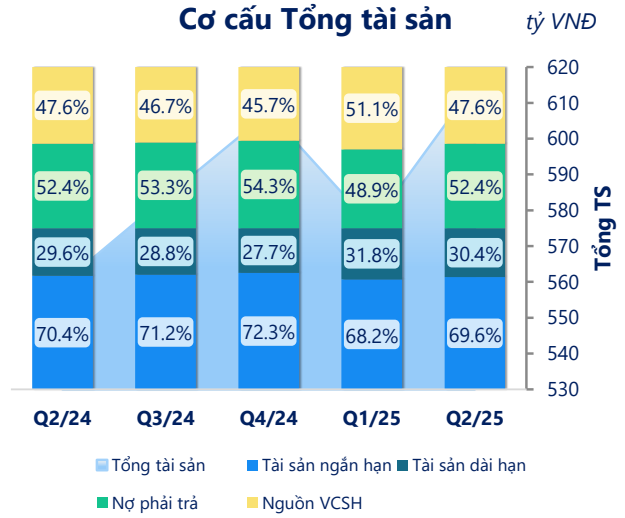
+/- YoY: ▲ 5.1%

Kết quả kinh doanh



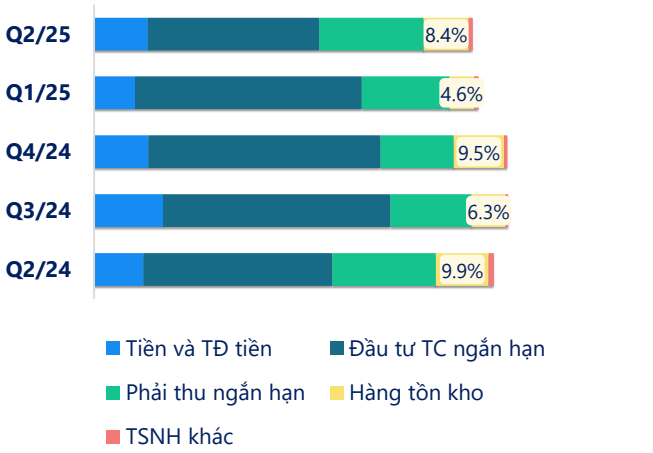
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



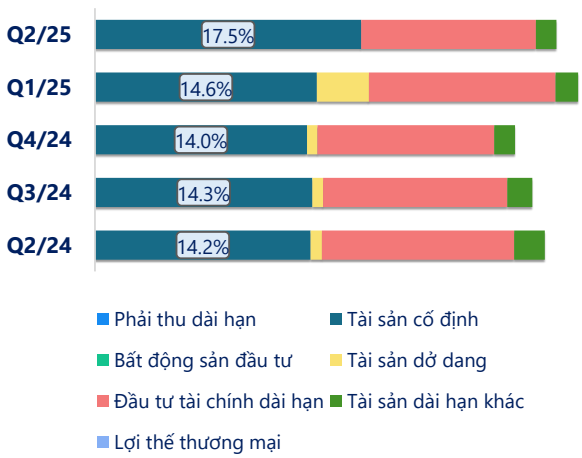
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



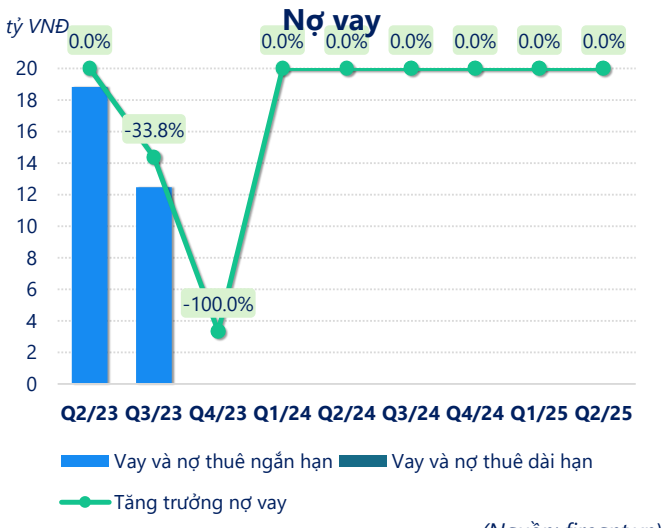
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



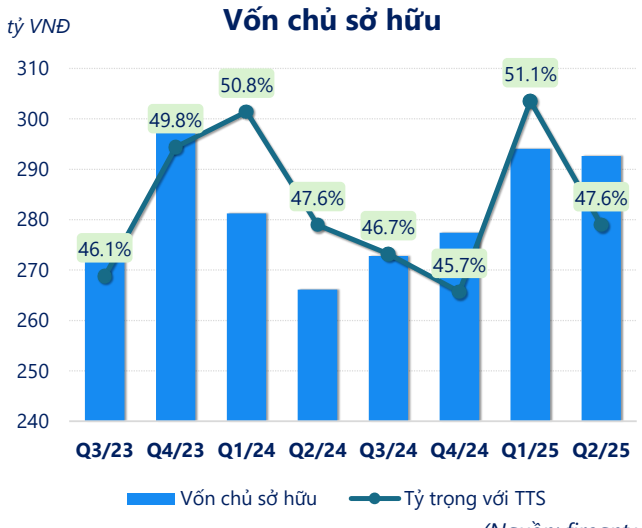
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



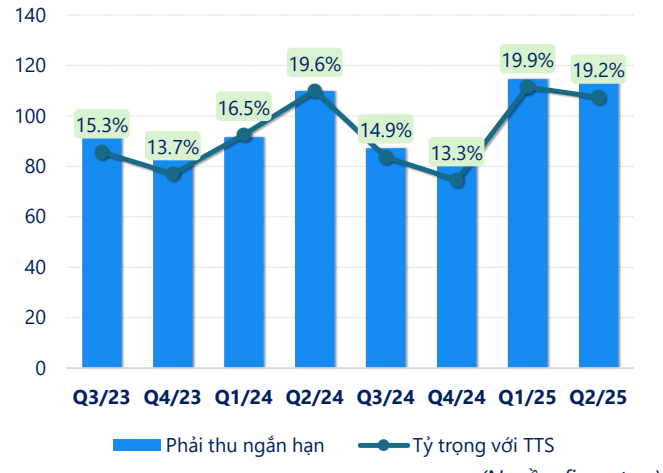
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



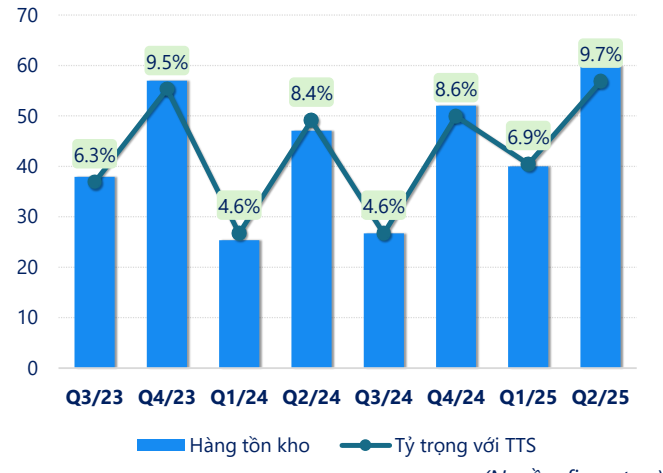
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



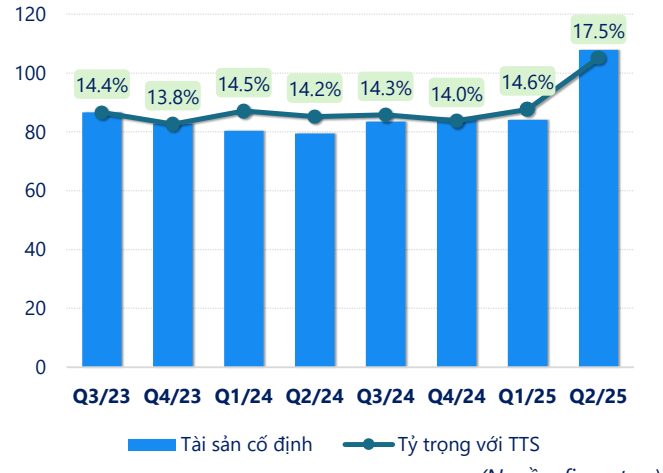
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



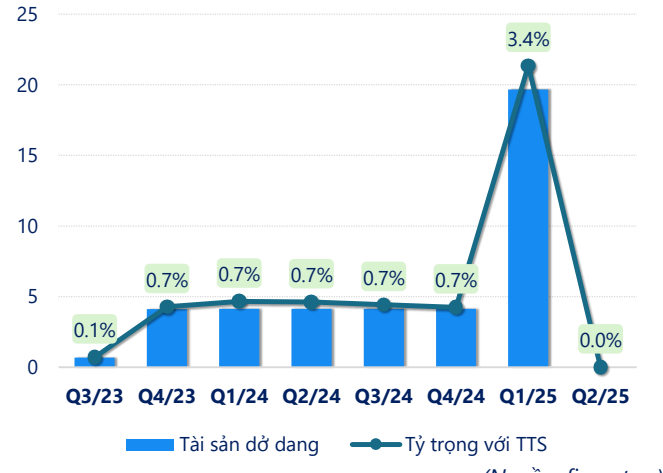
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



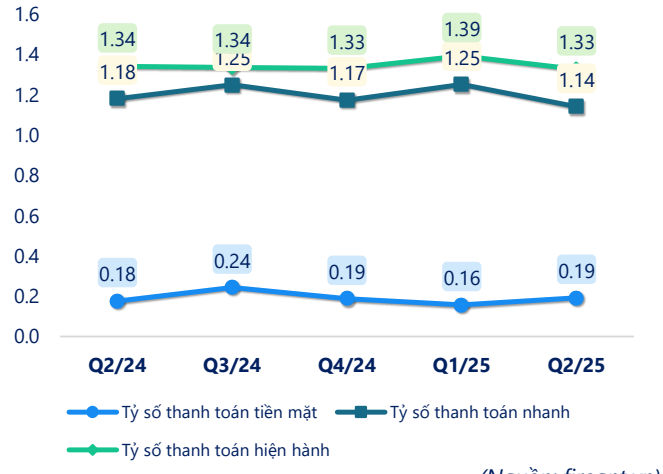
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



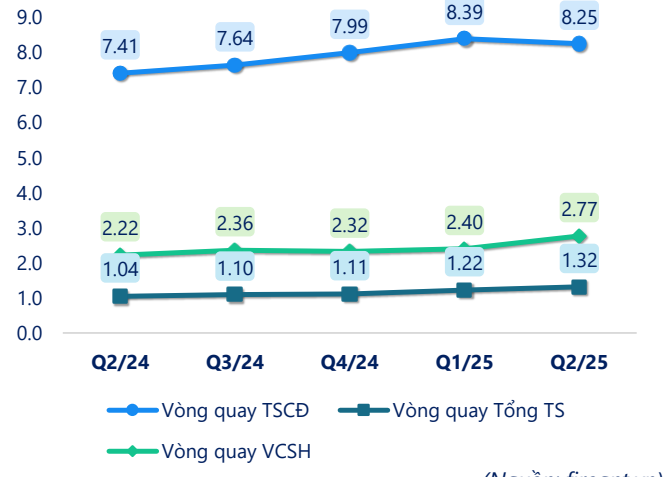
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**560**	**584**	**607**	**576**	**615**
Tài sản ngắn hạn	**394**	**416**	**439**	**393**	**428**
Tiền và tương đương tiền	51.8	75.7	62.0	44.2	62.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	218	240	184	176
Phải thu ngắn hạn	110	87.2	80.9	115	118
Hàng tồn kho	47.1	26.7	52.0	40.0	59.9
Tài sản ngắn hạn khác	4.57	7.76	4.80	10.3	12.6
Tài sản dài hạn	**166**	**168**	**168**	**183**	**187**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	79.5	83.5	84.8	84.1	108
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.13	4.13	4.13	19.7	0
Đầu tư tài chính dài hạn	70.8	70.8	70.8	70.8	70.8
Tài sản dài hạn khác	11.4	9.66	8.34	8.52	8.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**293**	**311**	**330**	**282**	**323**
Nợ ngắn hạn	**293**	**311**	**330**	**282**	**323**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	31.6	38.2	32.5	37.9	35.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**266**	**273**	**277**	**294**	**293**
Vốn chủ sở hữu	**266**	**273**	**277**	**294**	**293**
Vốn điều lệ	195	195	195	195	195
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)